TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2026/DS-ST
Ngày: 08-4-2026
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tẻo;

Ông Nguyễn Thanh Văn.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Thế Sự là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Linh– Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 983/2025/TLST- DS ngày 09 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2026/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn T.L (tên gọi khác H1), sinh năm 1966; địa chỉ: ấp B, xã H, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh T.G (tên gọi khác G L2), sinh năm 1971; địa chỉ: ấp B, xã H, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/12/2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đoàn T.L trình bày: Bà và bà Huỳnh T.G không có họ hàng gì, không có mâu thuẫn gì chỉ có mối quan hệ quen biết. Ngày 16/6/2024 (dương lịch) bà có cho bà G vay số tiền 38.000.000 đồng, ngày 28/8/2024 (dương lịch) bà có cho bà G vay số tiền 45.000.000 đồng, ngày 16/12/2024 (dương lịch) bà có cho bà G vay số tiền 63.000.000 đồng, tổng cộng 3 lần vay bà G nợ bà tổng số tiền 146.000.000 đồng, khi vay có làm giấy mượn tiền do bà G viết và ký tên, trong giấy vay tiền không có ghi lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 1%/ tháng và hẹn 4 tháng trả. Bà G mượn tiền bà để chữa bệnh và lo kinh tế gia đình,

khi mượn tiền bà G không có thế chấp cho bà tài sản gì, từ ngày vay tiền đến nay bà G chưa có trả cho bà số tiền vay gốc và lãi suất.

Nay bà yêu cầu bà G trả cho bà tổng số tiền vay gốc 146.000.000 đồng và lãi suất 10%/ năm tính từ ngày vay đến ngày tòa xét xử sơ thẩm, bà yêu cầu một mình bà G trả tiền cho bà.

Bị đơn bà Huỳnh T.G trình bày: Bà thừa nhận trước đây bà có vay tiền của bà L 2 lần tiền: lần 1: số tiền 10.000.000 đồng, lần thứ 2: số tiền 15.000.000 đồng, tổng cộng 25.000.000 đồng, lãi suất 10% tháng, khi vay có làm giấy vay tiền do bà L giữ, bà đóng lãi suất được 3 tháng số tiền 7.500.000 đồng nhưng không có làm giấy tờ gì, sau đó bà không có trả lãi nữa đến ngày 16/6/2024 chốt lại bà có viết giấy nợ và bà có ký tên, nợ bà L số tiền 38.000.000 đồng, sau đó bà không có tiền đóng lãi nên ngày 28/8/2024 chốt lại số nợ gốc và lãi của số tiền 38.000.000 đồng là 45.000.000 đồng, sau đó bà không có tiền đóng lãi nên ngày 16/12/2024 chốt lại số nợ gốc và lãi của số tiền 45.000.000 đồng là 63.000.000 đồng, nay bà không đồng ý trả cho bà L số tiền vay gốc 146.000.000 đồng mà chỉ đồng ý trả số tiền 63.000.000 đồng và lãi suất 10%/ năm của số tiền 63.000.000 đồng.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh*:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Bộ luật Dân sự; Điều 92, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Đoàn T.L đối với bà Huỳnh Thị G. Buộc bà Huỳnh T.Gcó nghĩa vụ trả cho bà Đoàn T.L số tiền vay 146.000.000 đồng và tiền lãi tính đúng theo quy định của pháp luật.

-Về án phí sơ thẩm dân sự: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét thấy bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú tại địa chỉ: ấp B, xã H, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Bà L yêu cầu bà G trả số tiền gốc 146.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi suất 10%/ năm từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà L thấy rằng: Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 16/6/2024, giấy mượn tiền ngày 28/8/2024, giấy mượn tiền ngày 16/12/2024, tất cả bản chính do bà L cung cấp, bà G thừa nhận có ký tên vào 03 giấy mượn tiền nêu trên đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tuy nhiên bà G cho rằng bà chỉ có vay tiền của bà L 02 lần tiền: lần thứ nhất số tiền 10.000.000 đồng, lần thứ hai 15.000.000 đồng, tổng cộng 25.000.000 đồng, nhưng bà không có chứng cứ chứng minh và bà cho rằng bà ký giấy vay tiền vào các ngày 16/6/2024, 28/8/2024,16/12/2024 bao gồm tiền gốc không có trả nên cộng tiền lãi vào nhưng bà cũng không có chứng cứ chứng minh. Do đó theo 03 giấy mượn tiền mà bà L cung cấp có chữ ký của bà G đối với tổng số tiền là 146.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi thì thấy rằng: Bà L yêu cầu trả tiền lãi suất từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm. Theo giấy mượn tiền thỏa không có thỏa thuận lãi suất, bà L trình bày lãi suất 1%/ tháng, từ khi vay đến nay bà G chưa có trả cho bà số tiền lãi suất nào, bà G trình bày lãi suất là 10%/ tháng và bà có trả lãi cho bà L số tiền 7.500.000 đồng nhưng không có tài liệu, chứng minh, vì vậy yêu cầu tính lãi suất 10%/ năm của bà L là có cơ sở chấp nhận, do đó căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự lãi suất được tính như sau:

Đối với số tiền: 38.000.000 đồng, thời hạn tính từ ngày 16/6/2024 đến ngày 08/4/2026 là 01 năm 09 tháng 23 ngày x 10%/ năm x 38.000.000 đồng = 6.892.778 đồng.

Đối với số tiền: 45.000.000 đồng, thời hạn tính từ ngày 28/8/2024 đến ngày 08/4/2026 là 01 năm 07 tháng 11 ngày x 10%/ năm x 45.000.000 đồng = 7.262.500đồng.

Đối với số tiền: 63.000.000 đồng, thời hạn tính từ ngày 16/12/2024 đến ngày 08/4/2026 là 01 năm 03 tháng 23 ngày x 10%/ năm x 63.000.000 đồng = 8.277.500 đồng.

Vậy số tiền lãi suất mà bà G phải chịu là 22.432.778 đồng.

Từ phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L số tiền gốc và lãi suất mà bà G có nghĩa vụ trả cho bà L là 168.432.778 đồng.

[3] Đối với việc bà G cho rằng bà trả lãi suất cho bà L số tiền 7.500.000 đồng nhưng bà không yêu cầu khấu trừ phần lãi suất này nên không đặt ra xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ và phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận nên bà G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà G phải chịu 8.421.639 (tám triệu bốn trăm hai mươi mốt nghìn sáu trăm ba mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 92, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn T.L "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với bà Huỳnh T G.

Buộc bà Huỳnh T.G có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn T.L số tiền 168.432.778 (một trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh T.G phải chịu 8.421.639 (tám triệu bốn trăm hai mươi mốt nghìn sáu trăm ba mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Đoàn T.L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.252.000 (bốn triệu hai trăm năm mươi hai nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014710 ngày 09 tháng 12 năm 2025 Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà L, bà G có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12- Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 12- Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)
Phạm Văn Hảnh